

CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÂM NGHIỆP CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC (2001 - 2018)

ThS HOÀNG THỊ NHUNG

Trường Đại học Lâm nghiệp

Tóm tắt: Nhận thức rõ vai trò quan trọng của kinh tế lâm nghiệp, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện cho kinh tế lâm nghiệp phát triển. Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, đặc biệt từ năm 2001 đến năm 2018, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước luôn thể hiện sự tăng cường bảo vệ, phục hồi và phát triển tài nguyên rừng, đảm bảo môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của đất nước. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế lâm nghiệp đã góp phần quan trọng trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chủ trương của Đảng; chính sách của Nhà nước; kinh tế lâm nghiệp



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cùng các đại biểu thực hiện nghi thức khởi công Khu công nghiệp Nông-Lâm nghiệp và Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai mở rộng ngày 24-3-2019

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế lâm nghiệp

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986) của Đảng, đất nước bước vào công cuộc đổi mới, lấy đổi mới tư duy kinh tế làm trọng tâm. Tuy vậy, về kinh tế lâm nghiệp, phải đến Đại hội VII (1991) của Đảng, mới thực sự có những chuyển biến rõ rệt trong cơ chế, chính sách, trong hoạt động và thực hiện theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Giai đoạn sau đó, Đảng đã chú ý đến kinh tế nông nghiệp, tuy nhiên đến Đại hội IX (2001) mới rõ nét sự phát triển tư duy của Đảng về kinh tế lâm nghiệp. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước thể hiện sự ưu tiên cho phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Đại hội IX (2001) của Đảng nhận định: ngành lâm nghiệp đã tăng cường bảo vệ, phục hồi và phát triển tài nguyên rừng, đảm bảo môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của đất nước, phát triển công nghiệp chế biến tiên tiến để từng bước cung cấp lâm sản phục vụ nhu cầu trong nước và ưu tiên cho xuất khẩu. Đồng thời, ngành lâm nghiệp phải góp phần phát triển kinh tế-xã hội và xoá đói giảm nghèo, giữ vững an ninh chính trị ở miền núi, vùng sâu, vùng xa trên cơ sở tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Trong kinh tế lâm nghiệp, Đảng và Nhà nước chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng rừng nhằm nhanh chóng khôi phục và phát triển rừng¹.

Trên cơ sở đó, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định mục tiêu: “Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng cao độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt rừng, phá rừng.

Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và lâm hàng mỹ nghệ xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm rừng”².

Đại hội X (2006) của Đảng bổ sung định hướng phát triển ngành lâm nghiệp giai đoạn 2006-2010, đó là: “Phát huy lợi thế khí hậu nhiệt đới, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phát triển mạnh việc trồng mới và khai thác bền vững rừng sản xuất để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguyên liệu gỗ cho chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu; bảo đảm lợi ích thoả đáng của người được giao kinh doanh, chăm sóc và bảo vệ rừng”³.

Đồng thời, Nghị quyết Đại hội X cũng chỉ rõ: “Đẩy nhanh việc sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường... Giải quyết ổn định lương thực cho các hộ nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc giao khoán rừng”⁴.

Trong định hướng và chính sách phát triển vùng, Nghị quyết xác định: “Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên cần tập trung mọi nỗ lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững... khai thác có hiệu quả quỹ đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả xuất khẩu và trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến có công nghệ hiện đại”⁵.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế lâm nghiệp, Đảng xác định mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; chú ý đến giá trị kinh tế từ rừng mang lại trên cơ sở đáp ứng nhu cầu về chế biến và xuất khẩu lâm sản. Đặc biệt, chú ý đến đời sống của người làm nghề rừng và đảm bảo cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định.

Đại hội XI (2011) của Đảng xác định: “Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng sản xuất,

rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất; gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng”⁷⁶.

Đại hội XI chủ trương: “Phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững, trong đó chú trọng cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; tăng diện tích trồng rừng và độ che phủ rừng trên cơ sở khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ để người dân có thể sống, làm giàu từ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; hình thành các tổ hợp trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển các vùng rừng chuyên môn hóa bảo đảm đáp ứng ngày càng nhiều hơn nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, giấy”⁷⁷.

Tiếp đó, Đại hội XII (2016) của Đảng xác định: “Coi bảo vệ và phát triển rừng là một giải pháp quan trọng tạo việc làm và nâng cao thu nhập... Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty và các nông, lâm trường quốc doanh, góp phần thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp và hỗ trợ nông dân ở các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn”⁷⁸.

Ngày 12-1-2017, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”. Chỉ thị đã nêu rõ 6 giải pháp cơ bản nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, đồng thời tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Trên cơ sở những chủ trương lớn của Đảng, nhiều văn bản chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp được ban hành như: Nghị định số 200/2004/NĐ-CP, ngày 3-12-2004, của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh; Quy chế quản lý rừng năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng (ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14-8-2006); “Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020” (ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg, ngày 5-2-2007, của Thủ tướng Chính phủ). Đây là sự kế thừa, bổ sung với nhiều điểm mới, thể hiện được các nội dung chính về các chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia và các ngành có liên quan, các công ước và hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. “Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020” xác định mục tiêu: “Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất được quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng tỷ lệ đất có rừng lên 42-43% vào năm 2010 và 47% vào năm 2020; đảm bảo có sự tham gia rộng rãi hơn của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động lâm nghiệp nhằm đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân nông thôn miền núi và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng”⁷⁹.

Chính sách về lâm nghiệp tiếp tục được hoàn thiện như: Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ “Về thành lập Quỹ Bảo vệ phát triển rừng”; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP về “Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”; Chỉ thị số 1685/CT-TTg, ngày 27-9-2011, của Thủ tướng Chính phủ “Về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ; thực hiện nghiêm việc xử phạt vi phạm hành chính về quản

lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản”; Quyết định số 07/2012/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về “Một số chính sách bảo vệ rừng”; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách phát triển rừng đặc dụng”; Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ về “Sắp xếp đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp”; Quyết định số 57/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020”; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ về “Cơ chế, chính sách bảo vệ phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020”, Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 9-6-2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý rừng phòng hộ.

Năm 2004, Quốc hội ban hành *Luật Bảo vệ và Phát triển rừng*. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho phát triển lâm nghiệp xã hội trên toàn quốc, đặc biệt là các vùng nông thôn miền núi. Đồng thời, là cơ sở để thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp phát triển. Ngoài ra, Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 112/2015/QH13 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng¹⁰.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN&PTNT) ban hành “Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010” (kèm theo Quyết định số 199/QĐ-BNN-PTLN, ngày 22-1-2002, của Bộ NN&PTNT). Quyết định số 2366/QĐ-BNN-LN, ngày 17-8-2006, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt “Đề án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2006-2020”, với mục tiêu trung hạn đến năm 2010: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất từ lâm

sản ngoài gỗ đạt bình quân 10%/năm; giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ bình quân tăng 10-15%/năm (đến năm 2010 đạt khoảng 300-400 triệu USD); thu hút khoảng 1 triệu lao động, gắn với tăng tỷ lệ thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ đạt 10-15% trong kinh tế hộ gia đình miền núi, góp phần xoá đói giảm nghèo ở vùng sâu vùng xa¹¹.

Xác định vị trí của các ngành trong cơ cấu ngành nông-lâm-thủy sản, Bộ NN&PTNT đã thông qua “Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” (ban hành kèm theo Quyết định số 71/2006/QĐ-BNN, ngày 14-9-2006, của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT). Trong đó, chỉ rõ các chỉ tiêu thống kê trong ngành lâm nghiệp như hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp, diện tích rừng hiện có, tỷ lệ che phủ rừng, diện tích rừng bị hại, lực lượng kiểm lâm... cùng với rất nhiều các chỉ tiêu khác.

Bên cạnh đó, Bộ NN&PTNT còn ra Thông báo số 465/TB-BNN-KL, Kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về những vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng và Quyết định 674/QĐ-BNN-KH năm 2011 về phê duyệt Đề cương và Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án “Phát triển giống phục vụ trồng rừng tại tỉnh vùng Tây Bắc”.

Đây là những văn bản mới phù hợp với chiến lược xây dựng, phát triển kinh tế lâm nghiệp trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó cho thấy Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại châu Á ban hành và triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) ở cấp quốc gia. Việc ban hành chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng là một điểm tích cực của ngành lâm nghiệp nhằm mục tiêu bảo vệ diện tích rừng hiện có, nâng cao chất lượng rừng, gia tăng đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân, giảm nhẹ gánh nặng lên ngân sách nhà nước cho đầu tư vào công tác bảo vệ, phát triển rừng và đảm bảo an sinh xã hội của người làm nghề rừng.

2. Một số kết quả

Với những chủ trương, chính sách hợp lý của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế lâm nghiệp và sự nỗ lực đầu tư về vốn, khoa học-công nghệ, nhân lực, kinh tế lâm nghiệp Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2018 đã đạt được những kết quả như sau:

Kinh tế lâm nghiệp có tốc độ tăng bình quân tương đối cao và ổn định, đặc biệt, giá trị tăng trưởng kinh tế lâm nghiệp năm 2008 đạt 2,8% (nông nghiệp: 7,0%, thủy sản: 6,7%), năm 2009 đạt 3,8% (nông nghiệp giảm xuống chỉ còn 2,2%, thủy sản tăng chậm lên 7,1%), năm 2010 đạt 4,6% (nông nghiệp tăng 2,2 %, thủy sản giảm sâu còn 5,6%)¹².

Về công tác trồng rừng và bảo vệ, diện tích trồng rừng sau khai thác duy trì ở mức trên dưới 20.000 ha/năm, tức là tương đương với diện tích khai thác 20.000 ha/năm và lượng khai thác là 1 triệu m³/năm từ rừng trồng¹³. Tính chung từ năm 2001 đến năm 2010, cả nước đã trồng được trên 2 triệu ha rừng tập trung, nâng tổng diện tích rừng của Việt Nam từ 12.601.800 ha (2005) lên 13.388.075 ha (2010)¹⁴. Từ năm 2011 đến năm 2015, bình quân mỗi năm trồng khoảng 220.000 ha. Khoanh nuôi tái sinh 460.000 ha/năm, trong đó khoảng 50.000 ha thành rừng/năm. Áp dụng một số giống mới, bước đầu áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh rừng trồng, đã tăng sinh khối rừng sản xuất từ 7-8 m³/ha/năm lên 12-15 m³/ha/năm, cá biệt có nơi đạt 40 m³/ha/năm; độ che phủ của rừng tăng từ 39,1% năm 2009 lên khoảng 40,7% năm 2015¹⁵. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm; công tác phòng chống cháy rừng theo phương châm bốn tại chỗ được tăng cường, đã kiềm chế, giảm 70% diện tích rừng bị phá trái pháp luật so với 5 năm trước.

Trong quý IV năm 2018, diện tích rừng trồng tập trung của cả nước đạt 77,4 nghìn ha, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 26,6 triệu cây, giảm 0,5%; sản lượng

gỗ khai thác đạt 3.723 nghìn m³, tăng 7,4%; sản lượng củi khai thác đạt 5 triệu ste, tăng 0,3%. Năm 2018, diện tích rừng trồng tập trung của cả nước đạt 238,6 nghìn ha, giảm 1,2% so với năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 85,8 triệu cây, giảm 0,3%; sản lượng củi khai thác đạt 23,7 triệu ste, giảm 1,2%; sản lượng gỗ khai thác ước tính đạt 12,8 triệu m³, tăng 9,6%¹⁶.

Về khai thác và chế biến lâm sản, lâm sản ngoài gỗ, từ năm 2001 đến năm 2010, cả nước đạt gần 31 triệu m³ gỗ các loại, bình quân mỗi năm khai thác 3,6 triệu m³¹⁷. Công nghiệp chế biến gỗ phát triển mạnh mẽ, từ 894 doanh nghiệp năm 2000 lên 2.526 doanh nghiệp năm 2007¹⁸. Từ năm 2011 đến năm 2018, khai thác rừng tự nhiên được quản lý chặt chẽ theo hướng bền vững. Sản xuất lâm sản hàng hóa ngày càng thích ứng với biến đổi của thị trường thế giới. Năm 2012, lâm nghiệp đạt 8,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,4% so với năm 2011; năm 2014, lâm nghiệp đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2013; đến năm 2018 ngành lâm nghiệp tăng 6,01%¹⁹. Đời sống người làm nghề rừng được cải thiện và nâng cao. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển mạnh với nhiều thành phần kinh tế, sản phẩm chế biến đa dạng theo yêu cầu thị trường. Đời sống của người dân từng bước được tăng lên, có thể làm giàu từ trồng rừng.

Chủ trương xã hội hóa nghề rừng được cụ thể hóa; quản lý nhà nước chủ yếu bằng công cụ pháp luật, chính sách; nhất quán trong nhận thức của xã hội. Năm 2018, diện tích rừng bị thiệt hại giảm 17,8%, diện tích rừng bị chặt giảm 47,6% so với năm 2017²⁰. Việc giao đất, giao rừng sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế được coi là giải pháp mang tính đột phá; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, kinh doanh lâm sản. Ngành lâm nghiệp đã hợp tác với các đầu mối và tổ chức lâm nghiệp quốc tế,

trong đó có 2 công ước và nhiều hiệp định vùng, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên diễn đàn quốc tế; hợp tác với các nước có chung đường biên giới được tăng cường. Nguồn vốn ODA đã góp phần quan trọng thực hiện các chỉ tiêu phát triển ngành.

Về xuất nhập khẩu lâm sản và lâm sản ngoài gỗ có nhiều khởi sắc. Đặc biệt thị trường gỗ và sản phẩm từ gỗ ngày càng chiếm ưu thế trong nền kinh tế. Đây là thị trường tiềm năng vì nhu cầu lâm sản trên thị trường thế giới cũng như trong nước đang ngày càng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế lâm nghiệp trong những năm 2001-2018 cũng còn những hạn chế như: Công tác bảo vệ rừng chưa toàn diện, chuyển biến chưa căn bản, thiếu vững chắc; tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng vẫn diễn ra ở mức cao và có chiều hướng tái xuất hiện những “điểm nóng”; tình trạng chuyển mục đích sử dụng đất ở khu vực vẫn là mối nguy cơ suy giảm diện tích rừng; tình trạng dân di cư tự do chưa được kiểm soát hiệu quả để hạn chế phá rừng xảy ra; tiến độ sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp còn chậm, nhiều địa phương còn lúng túng, công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chính sách bảo vệ phát triển rừng chưa được chú trọng.

Từ năm 2001 đến năm 2018, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách cụ thể để đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp. Các nghị quyết, quyết định, chính sách đã có tác dụng phát triển nghề rừng, từ khâu tạo rừng đến quản lý, bảo vệ, khai thác, chế biến, xuất khẩu lâm sản... Đây là một trong những đổi mới trong công tác phát triển kinh tế lâm nghiệp và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đến kinh tế lâm nghiệp. Từ đó ngành lâm nghiệp đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- 1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 171, 171
- 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 192, 194-195, 226
- 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 115, 196-197
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 228
9. Xem Chính phủ: *Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, H, 2006
10. Xem Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nghị quyết 112/2015/QH13 “Về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng”, H, 2015
11. Xem Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 2366/QĐ-BNN-LN, ngày 17-8-2006, “Về việc phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2006-2010”, H, 2016.
12. Xem Tổng cục thống kê: *Tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam mười năm 2001-2010*, Nxb Thống kê, H, 2011
13. Xem Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và FSSP: “Báo cáo ngành Lâm nghiệp 2005, Hà Nội, Việt Nam”, H, 2006, tr. 13
14. Xem Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “*Hiện trạng rừng toàn quốc năm 2010, Ban hành theo Quyết định số 1828/QĐ-BNN-TCLN, ngày 11-8-2011, của Bộ trưởng Bộ NN và PT nông thôn*”, H, 2011
15. Xem Tổng cục thống kê: *Niên giám thống kê 2015*, Nxb Thống kê, H, 2016
- 16, 20. Xem Tổng cục thống kê: *Báo cáo kinh tế-xã hội 2018*, Nxb Thống kê
17. Xem Tổng cục thống kê: *Niên giám thống kê 2010*, Nxb Thống kê, H, 2011
18. Xem Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “*Kế hoạch hành động bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2007-2010*”, H, 2007
19. Xem Tổng cục thống kê: *Báo cáo kinh tế-xã hội 2012-2014*.